



## **Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam**

Báo cáo tài chính riêng

Quý IV năm 2020 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 38

# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua bằng việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Tuấn Anh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Phó chủ tịch	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	
Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên	
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020

### TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Tiểu ban kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Lê Hùng	Trưởng ban	
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020

# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành

bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020

Ông Trần Tuấn Anh

từ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành

từ ngày 01 tháng 7 năm 2020

Ông Trần Tuấn Anh

đến ngày 01 tháng 7 năm 2020

14/M K C O 1011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>87.622.539.090</b>	<b>96.613.582.683</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>10.608.350.723</b>	<b>36.796.004.199</b>
111	1. Tiền		10.608.350.723	19.796.004.199
112	2. Các khoản tương đương tiền			17.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>562.275.651</b>	<b>563.069.860</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		683.872.558	683.872.558
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(121.596.907)	(120.802.698)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>68.231.832.269</b>	<b>52.041.463.223</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		43.789.225.183	45.396.105.783
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		15.635.521.540	9.102.381.514
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		4.000.000.000	-
136	4. Các khoản phải thu khác		14.937.766.317	7.733.866.093
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.130.680.771)	(10.190.890.167)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>1.937.122.729</b>	<b>2.471.071.911</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.937.122.729	2.471.071.911
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.282.957.718</b>	<b>4.741.973.490</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	61.687.980	237.725.531
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	2.482.637.728	689.035.303
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	3.738.632.010	3.815.212.656

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.620.213.588.101</b>	<b>1.589.317.237.330</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>118.148.757.289</b>	<b>130.619.397.474</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	117.930.364.789	130.235.278.974
222	Nguyên giá		233.579.246.444	233.579.246.444
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(115.648.881.655)	(103.343.967.470)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	218.392.500	384.118.500
228	Nguyên giá		1.766.067.500	1.766.067.500
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.547.675.000)	(1.381.949.000)
230	3. Bất động sản đầu tư	10.1	15.119.967.000	-
231	Nguyên giá		15.119.967.000	-
232	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>19.682.588.364</b>	<b>3.143.367.270</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10.2	19.682.588.364	3.143.367.270
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>1.455.411.472.390</b>	<b>1.455.136.992.379</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.435.515.833.863	1.340.603.292.301
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		24.162.060.000	118.695.760.078
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(4.266.421.473)	(4.162.060.000)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>12</b>	<b>11.850.803.058</b>	<b>417.480.207</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		7.101.088.059	163.254.256
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	4.749.714.999	254.225.951
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.707.836.127.191</b>	<b>1.685.930.820.013</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>152.275.512.324</b>	<b>119.135.371.524</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>125.034.500.844</b>	<b>110.965.201.769</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	11.697.320.277	9.638.890.828
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	23.283.977.619	78.294.786
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	353.429.948	261.274.908
314	4. Phải trả người lao động		1.022.492	1.696.489.283
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		43.000.000	215.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		89.488.629	178.977.278
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16.1	84.254.308.046	93.579.820.853
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.311.953.833	5.316.453.833
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>27.241.011.480</b>	<b>8.170.169.755</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16.2	27.000.000.000	7.000.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		241.011.480	1.170.169.755
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.555.560.614.867</b>	<b>1.566.795.448.489</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18.1</b>	<b>1.555.560.614.867</b>	<b>1.566.795.448.489</b>
411	1. Vốn cổ phần		982.533.570.000	982.533.570.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		982.533.570.000	982.533.570.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.033.034.900)	(2.033.034.900)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		575.060.079.767	586.294.913.389
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		586.294.913.389	383.805.199.409
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(11.234.833.622)	202.489.713.980
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.707.836.127.191</b>	<b>1.685.930.820.013</b>

  
 Trương Quốc Cường  
 Người lập

  
 Nguyễn Hoàng Giang  
 Kế toán trưởng

  
 Đặng Vũ Thành  
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Quý 4/2020	Quý 4/2019	Năm 2020	Năm 2019
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	56.891.085.505	59.102.383.653	233.188.673.531	318.869.138.110
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(41.645.029.036)	(56.328.154.130)	(184.143.917.276)	(271.502.244.628)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.246.056.469	2.774.229.523	49.044.756.255	47.366.893.482
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	10.326.227.749	54.763.456	15.355.548.802	184.104.755.753
22	5. Chi phí tài chính	21	(875.642.785)	(50.006.110)	(57.457.585.606)	(5.410.712.087)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(871.232.911)	-	(940.602.774)	(4.960.112.813)
25	6. Chi phí bán hàng	22	(702.706.708)	(1.272.130.332)	(2.674.057.799)	(4.563.270.925)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(4.213.775.229)	(5.515.275.454)	(14.890.562.475)	(14.076.394.829)
30	8. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.780.159.496	(4.008.418.917)	(10.621.900.823)	207.421.271.394
31	9. Thu nhập khác		-	(54.587.948)	-	314.013.896
32	10. Chi phí khác		(2.030.826.114)	61.540.000	(2.040.856.887)	(71.441.354)
40	11. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(2.030.826.114)	6.952.052	(2.040.856.887)	242.572.542
50	12. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế		17.749.333.382	(4.001.466.865)	(12.662.757.710)	207.663.843.936
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.2	(3.067.564.960)	(456.132.910)	(3.067.564.960)	(4.820.279.745)
52	14. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	24.3	(1.916.932.155)	13.768.655	4.495.489.048	(353.850.211)
60	15. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN		12.764.836.267	(4.443.831.120)	(11.234.833.622)	202.489.713.980

Trương Quốc Cường  
Người lập

Nguyễn Hoàng Giang  
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 01 năm 2021



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> <b>Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>(12.662.757.710)</b>	<b>194.334.267.964</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	12.470.640.185	6.911.942.638
03	Dự phòng (hoàn nhập) các khoản dự phòng		(884.211.989)	(648.294.543)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		5.689.964	20.846.150
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư		41.027.074.344	(176.852.386.131)
06	Chi phí lãi vay		940.602.774	5.301.612.818
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>40.897.037.568</b>	<b>29.067.988.896</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(7.485.437.951)	105.142.077.961
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		533.949.182	82.570.932
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		29.084.797.764	(72.822.878.694)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(3.914.360.982)	11.110.900
14	Tiền lãi vay đã trả		(940.602.774)	(6.225.175.776)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(3.000.000.000)	(108.608.192)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.500.000)	(2.000.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>55.170.882.807</b>	<b>55.145.086.027</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(29.585.123.364)	(476.322.000)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản		-	373.055.000
23	Tiền chi cho công ty con vay	6	(4.000.000.000)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(151.142.541.562)	(58.000.000.000)
26	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào các công ty khác		88.705.823.480	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức		14.669.065.154	172.541.386.131
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(81.352.776.292)</b>	<b>114.438.119.131</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		12.000.000.000	20.686.351.222
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(12.000.000.000)	(213.463.097.622)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(192.776.746.400)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(26.181.893.485)	(23.193.541.242)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		36.796.004.199	42.741.402.725
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.759.991)	(19.694.221)
70	Tiền cuối kỳ	4	10.608.350.723	19.528.167.262



Trương Quốc Cường  
Người lập



Nguyễn Hoàng Giang  
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 01 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua bằng việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 29 người (31 tháng 12 năm 2019: 30 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 10.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đề ngày 13 tháng 8 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính riêng và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng kết thúc niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng kết thúc niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho chủ yếu bao gồm hàng hóa với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Tài sản vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 37 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên doanh*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư chứng khoán và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Phân chia lợi nhuận (Tiếp theo)**

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

*Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng Quản trị Công ty.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.16 Thuế** (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tiền mặt	405.072.133	1.305.701.400
Tiền gửi ngân hàng	10.203.278.590	18.490.302.799
Các khoản tương đương tiền	-	17.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.608.350.723</b>	<b>36.796.004.199</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019		VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc		Giá trị hợp lý
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	6.275.651	(121.596.907)	127.872.558	7.069.860	(120.802.698)
Trong đó:						
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	126.752.447	5.802.600	(120.949.847)	126.752.447	6.382.860	(120.369.587)
Chứng khoán khác	1.120.111	473.051	(647.060)	1.120.111	687.000	(433.111)
Chứng khoán chưa niêm yết	556.000.000	556.000.000	-	556.000.000	556.000.000	-
Trong đó:						
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định – Phong Phú	417.000.000	417.000.000	-	417.000.000	417.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú	139.000.000	139.000.000	-	139.000.000	139.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>683.872.558</b>	<b>562.275.651</b>	<b>(121.596.907)</b>	<b>683.872.558</b>	<b>563.069.860</b>	<b>(120.802.698)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
		VND
<b>Phải thu ngắn hạn từ khách hàng</b>	<b>43.789.225.183</b>	<b>45.396.105.783</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>		
<i>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Long Thành Phát</i>	25.683.542.665	22.621.251.499
<i>Công ty TNHH Colgate Palmolive (Việt Nam)</i>	7.462.933.200	3.699.473.150
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Hỗ trợ Vận tải Thành Đạt</i>	1.619.682.614	2.316.402.374
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	231.548.000	860.552.000
	8.791.518.704	15.898.426.760
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>15.635.521.540</b>	<b>9.102.381.514</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh CÔNG TY CỔ PHẦN GIANG NAM LOGISTICS</i>	8.773.817.614	8.773.817.614
<i>PHAM KIM OANH</i>	5.200.000.000	-
<i>Các khoản trả trước khác</i>	1.170.000.000	-
	491.703.926	328.563.900
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>-</b>
<i>Công ty CP Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex (TM số 25) (*)</i>	4.000.000.000	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>14.937.766.317</b>	<b>7.733.866.093</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phí vận chuyển trả hộ</i>	4.135.156.265	4.871.906.915
<i>Tạm ứng cho nhân viên</i>		134.514.900
<i>Ký quỹ ngắn hạn</i>	10.000.000	32.005.382
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	10.279.226.164	2.692.855.809
<i>Phải thu khác</i>	513.383.888	2.583.087
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(10.130.680.771)</b>	<b>(10.190.890.167)</b>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>68.231.832.269</b>	<b>52.041.463.223</b>

(\*) Đây là khoản cho vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất 5.275%/năm và kỳ hạn 1 - 3 tháng

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Năm 2020	Năm 2019
		VND
Số đầu kỳ	(10.190.890.167)	(9.271.161.155)
Dự phòng trích lập trong kỳ	(222.798.604)	(996.703.012)
Hoàn nhập dự phòng	283.008.000	76.974.000
Số cuối kỳ	<u>(10.130.680.771)</u>	<u>(10.190.890.167)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Hàng đang đi đường	1.194.909.090	507.745.455
Hàng hóa	742.213.639	1.963.326.456
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.937.122.729</u></b>	<b><u>2.471.071.911</u></b>

## Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	183.506.684.246	5.201.356.100	43.715.384.194	1.155.821.904	233.579.246.444
Phân loại lại	(100.650.200)	(178.923.900)	-	279.574.100	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	183.406.034.046	5.022.432.200	43.715.384.194	1.435.396.004	233.579.246.444
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	(59.766.290.424)	(5.063.466.655)	(38.036.364.720)	(477.845.671)	(103.343.967.470)
Khấu hao trong kỳ	(10.266.473.883)	(137.889.445)	(1.731.917.341)	(168.633.516)	(12.304.914.185)
Phân loại lại	100.650.200	178.923.900	-	(279.574.100)	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(69.932.114.107)	(5.022.432.200)	(39.768.282.061)	(926.053.287)	(115.648.881.655)
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	123.740.393.822	137.889.445	5.679.019.474	677.976.233	130.235.278.974
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	113.473.919.939	-	3.947.102.133	509.342.717	117.930.364.789

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

VND

*Phần mềm  
máy tính*

**Nguyên giá**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 1.766.067.500

*Trong đó:*

*Đã hao mòn hết* 937.437.500

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1.381.949.000)

Hao mòn trong kỳ (165.726.000)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1.547.675.000)

**Giá trị còn lại**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 384.118.500

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 218.392.500

**10.1 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

VND

*Nhà cửa, vật kiến trúc* *Quyền sử dụng đất* *Tổng cộng*

**Nguyên giá**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 - - -

Mua sắm mới 4.292.001.687 10.827.965.313 15.119.967.000

**Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020** **10.827.965.313** **10.827.965.313** **15.119.967.000**

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 - - -

Hao mòn trong kỳ - - -

**Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020** **-** **-** **-**

**Giá trị còn lại**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 - - -

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 4.292.001.687 4.292.001.687 15.119.967.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**10.2 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phát triển phần mềm	295.932.000	295.932.000
Cải tạo văn phòng, nhà kho	19.386.656.364	2.847.435.270
	<b>19.682.588.364</b>	<b>3.143.367.270</b>

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 11.1)	1.435.515.833.863	-	1.340.603.292.301	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh số 11.2)	24.162.060.000	(4.266.421.473)	118.695.760.078	(4.162.060.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.459.677.893.863</b>	<b>(4.266.421.473)</b>	<b>1.459.299.052.379</b>	<b>(4.162.060.000)</b>

# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## 11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 11.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Ngày 31 tháng 12 năm 2020			Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
		Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị còn lại (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Vận tải	901.000.000.000	-	901.000.000.000	901.000.000.000	-	901.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietransstimex	Vận tải	319.816.771.989	-	319.816.771.989	283.206.230.427	-	283.206.230.427
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh	Vận tải	-	-	-	49.860.000.000	-	49.860.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Dịch vụ cảng	10.200.000.000	-	10.200.000.000	10.200.000.000	-	10.200.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Dịch vụ cảng, Vận tải	108.162.000.000	-	108.162.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Vận tải	96.337.061.874	-	96.337.061.874	96.337.061.874	-	96.337.061.874
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.435.515.833.863</b>	-	<b>1.435.515.833.863</b>	<b>1.340.603.292.301</b>	-	<b>1.340.603.292.301</b>



# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- (i) Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313558071 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SII là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa. SII có trụ sở đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại SII là 100% ( tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 100%).
- (ii) Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietransitime, trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. GCNĐKKD đầu tiên của Công ty số 3206000035 được SKHĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004. Vào ngày 27 tháng 1 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do Bộ Giao thông Vận tải ban hành. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp GCNĐKKD số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của VTX là vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại VTX là 93,17% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 84%).
- (iii) Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam là công ty cổ phần kiểm soát bởi SII được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103013615 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 6 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Sowatco là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh dầu và dầu nhờn. Sowatco có trụ sở đăng ký tại số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Sowatco là 93,32% ( tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 84,4%).
- (iv) Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín, hiện là một trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3001806817 do SKHĐT Tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 3 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Sotrans Hà Tĩnh là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải. Sotrans Hà Tĩnh có trụ sở đăng ký tại Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam. Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 096/2020/STG/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 08 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam thống nhất thông qua việc thoái hết vốn của Công ty tại Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh là 28.740.000.000 VND (tương ứng tỷ lệ 100% vốn điều lệ) với thời gian dự kiến là đến hết Quý 3 năm 2020 và giao Ban điều hành Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục có liên quan để hoàn tất thủ tục thoái hết vốn này. Vào ngày 06 tháng 10 năm 2020, Công ty đã hoàn tất thủ tục thoái vốn toàn bộ tại Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh.

## Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- (v) Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313440288 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Cảng Miền Nam là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải. Cảng Miền Nam có trụ sở đăng ký tại số 9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại công ty cổ phần Cảng Miền Nam là 51% ( tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 51%). Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 119/2020/STG/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 11 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam thống nhất thông qua kế hoạch thu mua lại 980.000 cổ phần (tương ứng tỷ lệ 49%) tại Công ty cổ phần Cảng Miền Nam với thời gian dự kiến hoàn thành trong tháng 12 năm 2020 và giao Ban điều hành Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục có liên quan để hoàn tất việc thu mua lại cổ phần này. Vào ngày 21 tháng 12 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc thu mua 980.000 cổ phần (tương ứng tỷ lệ 49%) tại Công ty cổ phần Cảng Miền Nam.
- (vi) Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics là công ty trách nhiệm hữu hạn có một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0315428529 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 12 năm 2018. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Sotrans Logistics là kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa. Sotrans Logistics có trụ sở chính tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Sotrans Logistics là 100% ( tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 100%).

## Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 11.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty liên doanh, liên kết	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			%	VND	%	VND
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (i)	Trước hoạt động	Bất động sản	50	10.000.000.000	50	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (ii)	Trước hoạt động	Bất động sản	50	10.000.000.000	50	10.000.000.000
Công ty TNHH Lô-Gi-Stic Gefco – Sotrans (iii)	Đang hoạt động	Vận tải	25	4.162.060.000	25	4.162.060.000
Công ty Cổ phần MHC (iv)	Đang hoạt động	Vận tải	-	-	23	94.533.700.078
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>24.162.060.000</b>		<b>118.695.760.078</b>

(i) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO ("SORECO") là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản.

(ii) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier ("The Pier") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKKD số 0313877800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016. Hoạt động chính của The Pier là kinh doanh bất động sản.

(iii) Công ty TNHH Lô-Gi-Stic Gefco – Sotrans ("Gefco – Sotrans Logistics"), một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015. Hoạt động chính của Gefco – Sotrans Logistics là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải và dịch vụ kho bãi. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 099/2018/SOTRANS/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc giải thể Gefco – Sotrans Logistics. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để hoàn tất việc giải thể Gefco – Sotrans Logistics này.

(iv) Công ty Cổ phần MHC ("MHC") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0100793715 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 11 năm 1998 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của MHC là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa và bốc xếp hàng hóa.

Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 037/2020/STG-HĐQT ngày 8 tháng 6 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông nhất thông qua kế hoạch thanh lý toàn bộ 9.523.148 cổ phần (tương ứng tỷ lệ 23%) của MHC với thời gian dự kiến trong tháng 6 năm 2020. Theo đó, vào ngày 19 tháng 6 năm 2020, Công ty đã hoàn tất thanh lý toàn bộ cổ phần của MHC với giá trị là 38.187.823.480 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê đất		-
Phí thành viên	27.428.336	20.339.372
Công cụ, dụng cụ	17.176.313	60.411.163
Khác	17.083.331	156.974.996
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>61.687.980</b>	<b>237.725.531</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí thuê kho	4.952.340.000	-
Chi phí cải tạo văn phòng	1.898.290.182	-
Công cụ dụng cụ	158.569.247	46.686.256
Khác	91.888.630	116.568.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.101.088.059</b>	<b>163.254.256</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	10.056.682.237	6.027.682.537
Phải trả người bán khác	1.640.638.040	3.611.208.291
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.697.320.277</b>	<b>9.638.890.828</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	23.000.000.000	
Người mua trả tiền trước khác	283.977.619	78.294.786
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.283.977.619</b>	<b>78.294.786</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Phải nộp</b>				
Thuế TNDN	-	3.067.564.960	(3.067.564.960)	-
Thuế giá trị gia tăng	261.274.908	23.679.452.023	(23.740.993.084)	199.733.847
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.056.806.627	(903.110.526)	153.696.101
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>261.274.908</b>	<b>27.803.823.610</b>	<b>(27.711.668.570)</b>	<b>353.429.948</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.621.647.860	-	(67.564.960)	2.554.082.900
Thuế giá trị gia tăng	689.035.303	17.613.054.726	(15.819.452.301)	2.482.637.728
Thuế thu nhập cá nhân	171.091.515	-	(171.091.515)	-
Thuế nhà đất	1.022.473.281	32.115.283.403	(31.953.207.574)	1.184.549.110
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.504.247.959</b>	<b>49.728.338.129</b>	<b>(48.011.316.350)</b>	<b>6.221.269.738</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

**16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời (i)	40.000.000.000	40.000.000.000
Nhận tạm ứng thanh lý các khoản đầu tư (ii)	39.940.000.000	39.940.000.000
Chi hộ	3.344.915.996	10.564.261.117
Nhận ký quỹ	880.095.100	2.240.144.450
Các khoản phải trả, phải nộp khác	89.296.950	835.415.286
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>84.254.308.046</u></b>	<b><u>93.579.820.853</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>42.630.747.926</i>	<i>50.564.261.117</i>
<i>Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C</i>	<i>39.940.000.000</i>	<i>39.940.000.000</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>1.683.560.120</i>	<i>3.075.559.736</i>

(i) Đây là khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ SORECO theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Đây là khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pier mà Công ty đang nắm giữ.

**16.2 Phải trả dài hạn khác**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	20.000.000.000	-
Nhận ký quỹ từ bên liên quan (Thuyết minh số 24)	7.000.000.000	7.000.000.000

**17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước của khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	854.378.790.000	(2.033.034.900)	518.508.646.075	1.370.854.401.175
Tăng vốn trong kỳ	128.154.780.000	-	(128.154.780.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	202.489.713.980	202.489.713.980
Trích lập các quỹ	-	-	(5.473.000.000)	(5.473.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(2.193.666.666)	(2.193.666.666)
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>982.533.570.000</u>	<u>(2.033.034.900)</u>	<u>585.176.913.389</u>	<u>1.565.677.448.489</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	982.533.570.000	(2.033.034.900)	586.294.913.389	1.566.795.448.489
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(11.234.833.622)	(11.234.833.622)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>982.533.570.000</u>	<u>(2.033.034.900)</u>	<u>575.060.079.767</u>	<u>1.555.560.614.867</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**18.2 Cổ phiếu**

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	98.253.357	98.253.357
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	98.253.357	98.253.357

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành là cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**18.3 Cổ tức**

	<u>VND</u>	
	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<b>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong kỳ</b>		
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu trong kỳ	-	128.154.780.000

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>VND</u>	
	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>233.188.673.531</b>	<b>320.153.650.483</b>
Trong đó		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>133.071.478.242</i>	<i>189.792.381.023</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>100.117.195.289</i>	<i>130.361.269.460</i>
Hàng bán bị trả lại		(1.284.512.373)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>233.188.673.531</b>	<b>318.869.138.110</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Cổ tức được nhận	12.837.998.400	183.882.692.000
Lãi tiền gửi	1.822.803.854	29.895.009
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.123.415	192.060.320
Lãi do thoái vốn đầu tư công ty con	658.000.000	
Khác	35.623.133	108.424
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>15.355.548.802</u></b>	<b><u>184.104.755.753</u></b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	119.230.993.556	174.962.827.430
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	64.912.923.720	96.539.417.198
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>184.143.917.276</u></b>	<b><u>271.502.244.628</u></b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	56.403.458.333	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu		341.500.005
Dự phòng các khoản đầu tư	106.711.120	
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.813.379	109.099.269
Lãi vay	940.602.774	4.960.112.813
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>57.457.585.606</u></b>	<b><u>5.410.712.087</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>2.674.057.799</b>	<b>4.563.270.925</b>
Chi phí nhân viên	1.730.503.849	1.876.697.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	560.338.418	1.714.907.832
Chi phí bán hàng khác	383.215.532	971.665.129
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>14.890.562.475</b>	<b>14.076.394.829</b>
Chi phí nhân viên	6.564.765.804	6.797.826.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.551.025.771	1.533.152.740
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(60.209.396)	1.348.207.287
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.834.980.296	4.397.207.812
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.564.620.274</b>	<b>18.639.665.754</b>

**23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Giá vốn hàng hoá đã bán	119.230.993.556	174.962.827.430
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.553.647.724	89.423.217.731
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8 và 9)	12.470.640.185	10.364.260.039
Chi phí nhân viên	8.295.269.653	8.674.524.954
Chi phí khác	6.157.986.432	6.717.080.228
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>201.708.537.550</b>	<b>290.141.910.382</b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**24.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	4.711.671.553
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	3.067.564.960	108.608.192
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(4.495.489.048)</u>	<u>353.850.211</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>(1.427.924.088)</u></b>	<b><u>5.174.129.956</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**24.1 Chi phí thuế TNDN** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và (lỗ) thu nhập tính thuế:

	VND	
	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(12.662.757.710)</b>	<b>207.663.843.936</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(2.532.551.542)	41.532.768.787
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	604.662.174	309.290.777
Chi phí trích trước		
Thu nhập không chịu thuế	(2.567.599.680)	(36.776.537.800)
Dự phòng trợ cấp thôi việc		
Hoa hồng môi giới		
Thuế TNDN được miễn		
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN kỳ này	-	5.065.521.764
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu trong kỳ trước	3.067.564.960	108.608.192
<b>(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN</b>	<b>3.067.564.960</b>	<b>5.174.129.956</b>

**24.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. (Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**24.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

	VND			
	<u>Bảng cân đối kế toán riêng kết thúc niên độ 31/12/2020</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng kết thúc niên độ</u>	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Lỗ bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	4.685.293.903	-	4.685.293.903	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	48.202.296	234.033.951	(185.831.655)	(305.747.575)
Chi phí phải trả	16.218.800	20.192.000	(3.973.200)	(48.102.636)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.749.714.999</b>	<b>254.225.951</b>	<b>4.495.489.048</b>	<b>(353.850.211)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với công ty có liên quan trong kỳ bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	55.065.951.181	38.667.621.544
		Cổ tức được nhận	12.750.000.000	2.550.000.000
		Bán hàng hóa	1.543.144.191	2.268.364.747
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con	Cổ tức được nhận	-	169.875.000.000
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Cung cấp dịch vụ cho thuê kho	22.926.917.638	12.231.000.652
		Đầu tư vốn		96.337.061.874
		Mua dịch vụ vận tải	17.346.019.633	31.510.197.266
		Bán hàng hóa	7.924.409.810	7.984.382.199
		Cung cấp dịch vụ vận tải	-	31.650.443.381
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Cho vay	60.000.000.000	
		Đi vay	12.000.000.000	
		Bán hàng hóa	22.446.054.644	23.828.718.184
		Lãi cho vay	666.260.274	
		Lãi vay	69.369.863	
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex	Công ty con	Bán máy móc	89.488.656	89.498.656
		Bán hàng hóa	3.329.454	40.431.039
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	
		Thuê tài sản	286.000.000	10.333.829
		Mua tài sản	15.119.967.000	
Công ty Cổ phần xây lắp công trình	Công ty con	Mua dịch vụ		684.158
		Cổ tức nhận được		7.046.700.000
		Cho vay	7.400.000.000	
		Lãi cho vay	79.226.164	
		Cung cấp dịch vụ xây lắp	13.910.280.909	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

		VND		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	23.773.620.455	19.441.630.129
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa	1.463.560.000	2.781.700.000
Công ty CP vận tải đa phương thức Vietranstimex	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	300.300.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	146.062.210	397.921.370
			<b>25.683.542.665</b>	<b>22.621.251.499</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Cho thuê cảng	23.000.000.000	-
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty CP vận tải đa phương thức Vietranstimex	Công ty con	Cho vay	4.000.000.000	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Phải thu cổ tức	10.200.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Mua dịch vụ	-	2.682.664.874
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Mua dịch vụ	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Mua dịch vụ, tiền lãi	79.226.164	10.190.935
			<b>10.279.226.164</b>	<b>2.692.855.809</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty CP vận tải đa phương thức Vietranstimex	Công ty con	Mua tài sản	4.921.500.000	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Mua dịch vụ	5.135.182.237	6.027.682.537
			<b><u>10.056.682.237</u></b>	<b><u>6.027.682.537</u></b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Trả hộ	2.630.747.926	10.564.261.117
			<b><u>42.630.747.926</u></b>	<b><u>50.564.261.117</u></b>
<b><i>Phải trả dài hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Nhận đặt cọc cho thuê cảng	7.000.000.000	7.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KẾT THÚC NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**26. LƯƠNG, THƯỜNG VÀ THÙ LAO CHO CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT:**

VND

	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<b>1/ Thu nhập từ tiền lương</b>	<b>1.395.692.293</b>	<b>1.237.854.877</b>
Trần Quang Tiến	-	349.440.521
Trần Tuấn Anh	609.616.200	888.414.356
Đặng Vũ Thành	786.076.093	-
<b>2/ Thù lao các TV HĐQT</b>	<b>1.017.500.000</b>	<b>786.920.000</b>
Nguyễn Văn Tuấn	-	56.100.000
Lê Bá Thọ	-	37.400.000
Trần Tuấn Anh	165.000.000	179.300.000
Đỗ Hoàng Phương	-	37.400.000
Đặng Vũ Thành	46.200.000	37.400.000
Đặng Doãn Kiên	112.200.000	131.000.000
Đỗ Thị Phương Lan	-	131.000.000
Trần Quang Tiến	60.500.000	-
Đỗ Lê Hùng	587.400.000	177.320.000
Nguyễn Quốc Thúc	46.200.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.413.192.293</b>	<b>2.024.774.877</b>

**27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.



Trương Quốc Cường  
Người lập



Nguyễn Hoàng Giang  
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 01 năm 2021